

Bản án số: 17/2022/DS-ST

Ngày 28 - 01 - 2022

V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Dũng Liêm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Hiên.

Bà Phạm Thị Hà.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 28 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 335/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc “tranh chấp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 436/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp Tân H, xã Tân D, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Ngô Minh P và bà Đặng Hồng T (Đặng Thị T). Cùng địa chỉ: Ấp Tân H, xã Tân D, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Bà có làm chủ hụi, ông P, bà T có tham gia 03 dây hụi của bà, sau khi hốt sống thì ông P, bà T không đóng hụi chết cho bà, cụ thể như sau:

Dây 1: Loại hụi 300.000đ, tháng khui 02 kỳ, khui ngày 30/6/2018 âm lịch, gồm 51 chung, ông P, bà có tham gia 01 chung, dây hụi này đã mãn. Khi tham gia ông P, bà đóng được 12 đợt hụi sống thì bỏ hốt. Số tiền hốt là 10.760.000 đồng (đã trừ tiền cò 250.000 đồng). Sau khi hốt hụi ở dây này thì ông P, bà không đóng hụi chết cho bà và thiếu lại 02 đợt x 300.000đ x 01 chung = 600.000 đồng.

Dây 2: Loại hụi 1.000.000 đồng, tháng khui 01 kỳ, khui ngày 15/01/2019 âm lịch, gồm 33 chung, ông P, bà có tham gia 01 chung, dây hụi này đã mãn. Khi tham gia ông P, bà đóng được 08 đợt hụi sống thì bỏ hốt. Số tiền hốt là 23.260.000 đồng

(đã trừ tiền còn 700.000 đồng). Sau khi hốt hui ở dây này thì ông P, bà không đóng hui chết cho bà và thiếu lại 15 đợt x 1.000.000đ x 01 chung = 15.000.000 đồng.

Dây 3: Loại hui 500.000 đồng, tháng khai 02 kỳ, khai ngày 15/9/2019 âm lịch, gồm 44 chung, ông P, bà có tham gia 01 chung, dây hui này đã mãn. Khi tham gia ông P, bà đóng được 08 đợt hui sống thì bỏ hốt. Số tiền hốt là 17.125.000 đồng (đã trừ tiền còn 350.000 đồng). Sau khi hốt hui ở dây này thì ông P, bà không đóng hui chết cho bà và thiếu lại 24 đợt x 500.000đ x 01 chung = 12.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông P, bà thiếu bà là 27.600.000 đồng. Bà đã nhiều lần đến nhà ông P, bà Tyêu cầu trả nhưng ông P, bà Tthách thức và cố tình không trả tiền cho bà.

Nay bà yêu cầu ông P, bà có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ hui là 27.600.000 đồng.

*Đối với bị đơn ông Ngô Minh và bà Đặng Hồng T(Đặng Thị T):* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông P, bà không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải, xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền nợ hui là 27.600.000 đồng. Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Ông và bà đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hui thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu trả số tiền nợ hui là 27.600.000 đồng, thấy rằng: Theo các danh sách hui ngày 30/6/2018 âm lịch, ngày 15/01/2019 âm lịch, ngày 15/9/2019 âm lịch và các giấy chung hui ngày 22/9/2019 âm lịch, ngày 22/01/2020 âm lịch, giấy giao hui ngày 08/01/2019 âm lịch, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định ông P, bà có tham gia 03 chung hui ở các dây hui nêu trên do ba M làm chủ hui.

Theo nguyên đơn xác định sau khi hốt hui thì ông P, bà không đóng tiền hui chết từ ngày 15/6/2020 âm lịch và hiện còn nợ số tiền cụ thể như sau: Dây hui mở ngày 30/6/2018 âm lịch nợ 600.000 đồng; dây hui mở ngày 15/01/2019 âm lịch nợ 15.000.000 đồng; dây hui mở ngày 15/9/2019 âm lịch nợ 12.000.000 đồng. Tổng số tiền hui ông P, bà còn nợ là 27.600.000 đồng.

Đối với ông P, bà đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông bà không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời đến thời điểm xét xử vụ án các dây hụi trên đã mãn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền hụi chết theo thỏa thuận giữa hai bên là phù hợp.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ hụi 27.600.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông P, bà phải chịu là: 1.380.000 đồng (27.600.000 đồng x 5%).

Bà Nguyễn Thị M không phải chịu, đã dự nộp tạm ứng được nhận lại toàn bộ.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M. Buộc ông Ngô Minh và bà Đặng Hồng (Đặng Thị T) trả cho bà M số tiền nợ hụi là 27.600.000 đồng (hai mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày ba M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông P, bà T chậm thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng ông P, bà T còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị M không phải chịu, hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị M 690.000 đồng (sáu trăm chín mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011650 ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

- Ông Ngô Minh Phong, bà Đặng Hồng T (Đặng Thị T) phải chịu 1.380.000 đồng (một triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng) (chưa nộp).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Hồ Dũng Liêm**

